TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 14.5.2020
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Thanh Điền
- *Hội thẩm nhân dân*:
1. Bà Phạm Kim Tuyến
2. Bà Nguyễn Thùy Linh
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Nhàn - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2020/TB-TLVA ngày 16 tháng 3 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị ***Tôn Thị Lệ X*** sinh năm 1990
Đăng ký thường trú: khu vực A, phường B, quận T, thành phố Cần Thơ.
Trú tại: ấp P, xã U, huyện V, tỉnh An Giang.
2. *Bị đơn*: Anh ***Lê Văn H*** sinh năm 1990
Trú tại: khu vực L, phường K, quận T, thành phố Cần Thơ.
3. *Người có quyền, lợi ích được bảo vệ - con chung*:
Cháu ***Lê Trí T*** sinh ngày 09.8.2013
(Đang sống với chị Xuân tại khu vực A, phường B, quận Thốt Nốt; và do chị X là người giám hộ). *(nguyên đơn, bị đơn vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 18.12.2019 và quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn chị Tôn Thị Lệ X trình bày*: Do tự nguyện quen biết tìm hiểu và yêu thương nhau nên chị với anh Lê Văn H được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2013, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân dân phường Tân Lộc, quận Thốt Nốt vào ngày 29.01.2013. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung gia đình chồng tại khu vực L, phường K cho đến khi vợ chồng ly thân.

Quá trình chung sống vợ chồng thường hay cải vả, không hòa hợp, anh H không quan tâm chăm sóc vợ con nên từ tháng 8.2013 chị quyết định sống ly thân với anh H từ đó đến nay.

Thời gian ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị X yêu cầu ly hôn đối với anh Lê Văn H; Về con chung: chị yêu cầu tiếp tục được nuôi con chung Lê Trí T đến trưởng thành, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại tờ tự khai ngày 15.4.2020 và quá trình giải quyết vụ kiện, bị đơn anh Lê Văn H trình bày*: Anh thống nhất vợ chồng tự nguyện quen biết và yêu thương nhau, đến năm 2013 anh chị được gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND phường B, quận T. Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Lê Trí T, sinh ngày 09.8.2013. Hiện cháu T đang sống với mẹ và bên ngoại tại khu vực A, phường B, quận T.

Anh thừa nhận mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cải nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung.

Nay chị X yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn; Đồng ý ổn định cho chị X được quyền nuôi con đến trưởng thành, yêu cầu không phải cấp dưỡng nuôi con; Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Chị Tôn Thị Lệ X với anh Lê Văn H được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, quận T nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên chị X có đơn khởi kiện. Xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Tôn Thị Lệ X và bị đơn anh Lê Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử có căn cứ tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét về quan hệ hôn nhân*: Chị X và anh H chung sống từ năm 2013, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Theo chị X thì do tính tình vợ chồng không hòa hợp, hay cải vả, bất đồng quan điểm sống, anh H không quan tâm chăm sóc vợ con nên từ tháng 8.2013 chị về nhà cha mẹ ruột sống ly thân với anh H từ đó đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án thể hiện: chị X xin ly hôn - anh H đồng ý ly hôn. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ pháp luật.

[4] *Về con chung*: Chị X trình bày vợ chồng có con chung là Lê Trí T, sinh ngày 09.8.2013 - đang sống với chị X và bên ngoại. Theo đó, chị X yêu cầu được quyền nuôi con chung, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; anh H đồng ý ổn định cho chị X được quyền nuôi con đến trưởng thành nhưng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện nay cháu T đang sống với chị X nên cần thiết ổn định quyền nuôi con cho chị X như hiện trạng thực tế là phù hợp yêu cầu của đương sự theo quy định tại khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Hơn nữa điều này không làm thay đổi môi trường sống và sự phát triển bình thường của con chung.

Về vấn đề cấp dưỡng: Chị X yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh H không đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của chị X. Xét thấy, tại tờ tự khai ngày 15.4.2020 anh H thừa nhận anh là con một, gia đình có điều kiện, còn phía chị X hoàn cảnh khó khăn. Hơn nữa, hội đồng xét xử căn cứ điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*". Do đó yêu cầu không phải cấp dưỡng nuôi con của anh H là không có cơ sở nên buộc anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đến khi cháu T đủ 18 tuổi là phù hợp quy định pháp luật.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Do anh H không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên cần căn cứ vào điều kiện kinh tế thực tế để buộc anh H thực hiện nghĩa vụ này. Nhận thấy, hiện nay anh H là lao động tự do với mức thu nhập đủ trang trải các nhu cầu cơ bản của cuộc sống hằng ngày nên căn cứ mức lương tối thiểu 1.490.000 đồng (tại thời điểm xét xử) để buộc anh H thực hiện nghĩa vụ. Tuy nhiên, khi mức cấp dưỡng không còn phù hợp với điều kiện thực tế thì đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung là thiêng liêng nên người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung; không ai được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Ngoài ra, khi người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Nguyên đơn chị Tôn Thị Lệ X phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điều 147, điều 220, khoản 1 điều 228 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 8, khoản 1 điều 9, điều 51, 53, 56, 81, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tôn Thị Lệ X đối với bị đơn anh Lê Văn H.

1. *Về hôn nhân*: Chị Tôn Thị Lệ X được ly hôn với anh Lê Văn H.

2. *Về con chung*: Chị Tôn Thị Lệ X được quyền nuôi con chung tên là Lê Trí T, sinh ngày 09.8.2013 đến trưởng thành. Anh Lê Văn H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức 745.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Thành đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở anh H thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của các đương sự về việc trình bày không có tài sản chung và nợ chung. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp tài sản chung và nợ chung thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Tôn Thị Lệ X phải nộp 300.000 đồng. Tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị X đã nộp theo phiếu thu số AA/2019/012059 ngày 04.3.2020 được chuyển thành án phí. Chị X đã nộp xong.

5. Về án phí cấp dưỡng: Anh Lê Văn H phải nộp 300.000 đồng.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án tại địa phương, nguyên đơn/bị đơn được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND quận T;
- THA quận T;
- UBND phường B (nơi đkkh);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Điền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Phạm Kim Tuyến	Nguyễn Thùy Linh	Nguyễn Thanh Điền